

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC HỌC**

Tuyên Quang, năm 2022

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	1
1.2. Thông tin về chương trình đào tạo .....	1
<b>II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>1</b>
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào.....	1
2.1.1. <i>Tầm nhìn</i> .....	1
2.1.2. <i>Sứ mạng</i> .....	1
2.1.3. <i>Mục tiêu giáo dục</i> .....	2
2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Khoa Y – Dược.....	2
2.2.1. <i>Chức năng</i> .....	2
2.2.2. <i>Nhiệm vụ</i> .....	2
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	3
2.3.1. <i>Mục tiêu chung</i> .....	3
2.3.2. <i>Mục tiêu cụ thể</i> .....	3
<b>III. CHUẨN ĐẦU RA .....</b>	<b>4</b>
<b>IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP.....</b>	<b>5</b>
<b>V. KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>5</b>
<b>VI. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....</b>	<b>5</b>
6.1. Đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên .....	5
6.2. Cơ sở vật chất .....	5
<b>VII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP .....</b>	<b>6</b>
7.1. Các phương pháp dạy học .....	6
7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	7
<b>VIII. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
8.1. Chuẩn đầu vào .....	7
8.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp .....	7
8.3. Thang điểm.....	7
<b>IX. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>7</b>
9.1. Quy định chung .....	7
9.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học .....	8
9.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.....	8

9.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.....	8
--	---

**X. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....8**

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 156 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh). .....	8
--	---

10.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	9
--	---

10.3. Nội dung chương trình .....	13
-----------------------------------	----

10.4. Kế hoạch giảng dạy .....	16
--------------------------------	----

10.5. Bản đồ chương trình dạy học .....	19
---	----

10.6. Bản đồ chương trình dạy học .....	19
---	----

10.7. Mô tả nội dung các học phần.....	21
--	----

**XI. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....32**

**XII. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....32**

**PHỤ LỤC .....34**

Phụ lục 1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt

Phụ lục 2. Bộ Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)

Phụ lục.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)

Phụ lục.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).

# **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Dược học trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào được xây dựng và ban hành từ năm 2019. Khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2020, hiện đang được quản lý bởi Khoa Y – Dược

Năm 2022, Trường Đại học Tân Trào tuyển sinh khóa thứ 3 ngành Dược học. Sau 02 năm đào tạo, dựa trên một số thay đổi trong quy định của Nhà nước, các kết quả đạt được khi thực hiện CTĐT, ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành, dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT và CTĐT ngành Dược của Trường Đại học Dược Hà Nội. Tổng số tín chỉ vẫn giữ nguyên là 156 tín chỉ.

Với nguồn nhân lực trình độ cao, có nhiều thâm niên, kinh nghiệm trong giảng dạy ngành Dược, cùng với điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao nhằm góp phần đào tạo nhân lực trong lĩnh vực Dược cho các tỉnh miền núi phía bắc và cả nước.

## **1.2. Thông tin về chương trình đào tạo**

- Ngành học (tiếng Việt): Dược học
- Ngành học (tiếng Anh): Pharmacy
- Bậc học: Đại học
- Mã ngành đào tạo: 7720201
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Dược sĩ đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 5 năm
- Số tín chỉ: 156 (không kể GDQP-AN & GDTC)
- Khoa quản lý: Khoa Y – Dược, Trường Đại học Tân Trào
- Ngôn ngữ: Tiếng Việt

# **II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Y – Dược, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

## **2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào**

### **2.1.1. Tầm nhìn**

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

### **2.1.2. Sứ mạng**

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

### **2.1.3. Mục tiêu giáo dục**

Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

### **2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Khoa Y – Dược**

Khoa Y - Dược được thành lập theo Quyết định số 466/QĐ-ĐHTTr ngày 14/05/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào, là đơn vị đào tạo chịu sự quản lý toàn diện, trực tiếp của Trường Đại học Tân Trào, có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện mọi nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, các quy định, chế độ chính sách của Nhà nước, Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y Tế và quy định của Trường Đại học Tân Trào.

#### **2.2.1. Chức năng**

Tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo trình độ đại học, sau đại học các lĩnh vực thuộc khối ngành khoa học sức khỏe (Sinh - Y - Dược học) và các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật và của Trường Đại học Tân Trào.

Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng chất lượng cao, phát triển sản phẩm đạt chuẩn của Bộ Y tế.

Thực hiện các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ KH&CN; tổ chức tư vấn và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật và của Trường Đại học Tân Trào.

#### **2.2.2. Nhiệm vụ**

##### **a. Đào tạo, bồi dưỡng**

Tổ chức đào tạo trình độ đại học do Trường Đại học Tân Trào cấp bằng trong lĩnh vực Y - Dược theo quy định của pháp luật và của Trường Đại học Tân Trào; tham gia tổ chức triển khai các chương trình liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan;

Thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu xã hội, nâng cao trình độ KH&CN trong lĩnh vực liên quan.

##### **b. Nghiên cứu khoa học và công nghệ**

Tổ chức các hoạt động nghiên cứu KH&CN nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, góp phần giải quyết các yêu cầu của thực tiễn, thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học trong lĩnh vực Y - Dược; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức về lĩnh vực Y - Dược;

Triển khai ứng dụng các sản phẩm, kết quả nghiên cứu KH&CN trong hoạt động đào tạo, y tế và thực tiễn đời sống.

c. Đối ngoại

Xây dựng và phát triển các mối quan hệ với các đơn vị đào tạo, nghiên cứu và triển khai KH&CN, giao lưu hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước.

d. Tư vấn và dịch vụ

Tổ chức tư vấn về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ sinh viên các vấn đề chiến lược, chính sách và các giải pháp phát triển khoa học Y - Dược;

Cung cấp dịch vụ về y tế, khám chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phát triển sản phẩm thuốc, nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng và các lĩnh vực hoạt động khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

e. Triển khai mô hình kết hợp giữa Khoa – Phòng khám Đa khoa Tân Trào trong các hoạt động chuyên môn; phối hợp thực hiện các đề án xây dựng, phát triển và vận hành Phòng khám Đa khoa Tân Trào.

f. Liên kết, hợp tác toàn diện với các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tân Trào trong triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động phục vụ, sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ; sử dụng và chia sẻ các nguồn lực, cơ sở vật chất theo quy định của Trường Đại học Tân Trào.

g. Thực hiện nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào giao.

### **2.3. Mục tiêu của chương trình**

#### **2.3.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo dược sĩ trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và có sức khỏe tốt; Có kiến thức về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở; Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để thực hiện tốt nhiệm vụ trong lĩnh vực dược; Có năng lực thực hành nghề nghiệp, giao tiếp, ứng xử; Có khả năng làm việc độc lập, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát triển bản thân, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

#### **2.3.2. Mục tiêu cụ thể**

*Mục tiêu 1:* Có kiến thức về xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp.

*Mục tiêu 2:* Có kiến thức về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở để giải quyết các vấn đề về chuyên môn trong lĩnh vực dược.

*Mục tiêu 3:* Có kiến thức chuyên môn về dược và quản lý dược, tham gia tổ chức và triển khai các hoạt động phát triển nguồn nguyên liệu, sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, tồn trữ, cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.

*Mục tiêu 4:* Có khả năng hành nghề độc lập, chuyên nghiệp, sáng tạo theo đúng quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; Tôn trọng các giá trị văn hóa; Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp, cán bộ y tế và cộng đồng.

*Mục tiêu 5: Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, yêu quê hương, đất nước. coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có trách nhiệm với xã hội và môi trường.*

### III. CHUẨN ĐẦU RA

Yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
CDR 2	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, y dược học vào việc nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.
CDR 3	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong sản xuất, cung ứng, bảo quản, hướng dẫn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
CDR 4	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành và y dược học cổ truyền trong bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, tư vấn sử dụng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu.
CDR 5	Vận dụng được các văn bản pháp quy về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên môn
<b>Về kỹ năng</b>	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CDR 6	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động liên quan đến chiết xuất, kiểm nghiệm, bào chế, đánh giá chất lượng một số dạng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
CDR 7	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động liên quan đến phân biệt, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kiểm nghiệm, tư vấn và hướng dẫn sử dụng một số dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu.
CDR 8	Có kỹ năng tư vấn, xây dựng và triển khai kế hoạch về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, cộng đồng trong việc lựa chọn, sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý.
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CDR 9	Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập, năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp. Có kỹ năng phát hiện, phân tích, xử lý tình huống nảy sinh trong thực tiễn hoạt động

	chuyên môn, đáp ứng những yêu cầu của xã hội.
CDR 10	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động chuyên môn; Đạt trình độ tin học Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, nâng cao hoặc tương đương và ứng dụng được trong thực hành nghề nghiệp.
<b>VỀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM</b>	
CDR 11	Có lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
CDR 12	Tôn trọng, hợp tác với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và đối tác. coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường.

#### **IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP**

- Các cơ quan quản lý nhà nước về dược
- Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập
- Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về dược
- Các cơ sở sản xuất và kinh doanh về dược

#### **V. KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

- Định hướng thực hành: Dược sĩ chuyên khoa cấp 1  
Dược sĩ chuyên khoa cấp 2
- Định hướng nghiên cứu: Thạc sĩ dược học  
Tiến sĩ dược học

#### **VI. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY**

##### **6.1. Đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên**

Trường Đại học Tân Trào hiện có số giảng viên cơ hữu đảm bảo được 85,25 % chương trình giảng dạy, Trường đang tiếp tục thu hút các giảng viên có trình độ cao về giảng dạy tại Trường, đồng thời có nhiều giảng viên có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ sẵn sàng tham gia thỉnh giảng cho ngành Dược học của Trường.

##### **6.2. Cơ sở vật chất**

Nhà trường có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy học. Hiện nay, nhà trường có 3 cơ sở, trong đó có 2 cơ sở phục vụ giảng dạy và 01 cơ sở phục vụ thực hành, thực nghiệm.

Tổng diện tích đất hiện có của nhà trường là 57,469 ha; diện tích xây dựng là 27.268m<sup>2</sup> (Giảng đường 9.847m<sup>2</sup> gồm trên 80 phòng học từ 50 đến 200 chỗ; Phòng học máy tính, phòng học ngoại ngữ 749m<sup>2</sup>; Thư viện 600m<sup>2</sup>; 20 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành 10.429m<sup>2</sup>; Kí túc xá 155 phòng diện tích xây dựng 7.606m<sup>2</sup>; và các diện tích khác như nhà ăn – căng tin, hội trường, nhà thi đấu đa năng diện tích



3.529.62m<sup>2</sup>).

Khu vực Kí túc xá sinh viên gồm 5 toà nhà (thuộc 2 khu) có khả năng đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.500 sinh viên, trong đó có 2 nhà với gần 1000 chỗ ở khép kín, có đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt và một số phòng trong khu Kí túc xá đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của lưu học sinh cũng như các nhà khoa học đến lưu trú và làm việc tại Trường.

Khu vực Hiệu bộ là khu nhà 4 tầng với các phòng làm việc của các khoa, phòng, bộ môn.

Khu vực hoạt động ngoài trời, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ gồm sân vận động, nhà thi đấu, các khu sân bóng rổ, bóng chuyền... rộng 11.600m<sup>2</sup> có đủ các thiết bị thi đấu và tập luyện, phục vụ cho các hoạt động lớn của tỉnh cũng như của nhà trường và dân cư trong khu vực đang góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Nhà trường

Hiện nay, nhà trường có trên 700 máy tính, máy trợ giảng, projector và thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lí, tất cả máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet tốc độ cao. Mạng wifi đã phủ kín các khu vực trong nhà trường như Giảng đường, Thư viện, Khu làm việc, riêng khu vực Kí túc xá (từ 5h00 đến 24h00 hàng ngày).

Thư viện có trên 8.000 đầu sách, tài liệu số, luận văn, luận án tiến sĩ, thạc sĩ, báo cáo của các đề tài nghiên cứu khoa học và các loại báo, tạp chí và ấn phẩm. Có phòng đọc sách, báo, tạp chí với 01 phòng đọc mở, 02 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 600m<sup>2</sup> với trên 400 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet, việc mua sách, giáo trình và nâng cấp, mua sắm một số phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động của Thư viện đã được thực hiện thường xuyên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng thực hành, thực nghiệm phục vụ việc học tập, giảng dạy của giảng viên và sinh viên.

Các hạng mục công trình của Trường được kết nối bằng hệ thống đường giao thông nội bộ thuận lợi, xen lẫn các khoảng sân vườn, tiểu cảnh cây xanh, vườn hoa đẹp mắt.

- Từ tháng 01 năm 2012, nhà trường đã kí hợp đồng kết nối 40 máy tính với Trung tâm học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên để khai thác tài liệu điện tử; Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin.

- Phần mềm quản lí thư viện: Phần mềm thư viện số GREENSTONE.

## **VII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

### ***7.1. Các phương pháp dạy học***

Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kĩ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

## **7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## **VIII. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **8.1. Chuẩn đầu vào**

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

### **8.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo chương II, chương và III chương IV, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

### **8.3. Thang điểm**

Điều 14, Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

## **IX. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **9.1. Quy định chung**

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ... được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt; nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần

phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong ... năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Mỗi giờ học là 50 phút.

## **9.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học**

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

## **9.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần**

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

## **9.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

Theo Điều 20, 21, 22, 23 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

# **X. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**10.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 156 tín chỉ** (không kể giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 39 tín chỉ

+ Các môn chung: 24 tín chỉ

+ Các môn cơ sở khối ngành: 15 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 tín chỉ

+ Kiến thức cơ sở ngành: 37 tín chỉ

+ Kiến thức ngành: 48 tín chỉ

+ Kiến thức bổ trợ: 4 tín chỉ

+ Kiến thức tự chọn: 10 tín chỉ

- Thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp: 18 tín chỉ
- + Thực tập tốt nghiệp: 8 tín chỉ
- + Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế: 10 tín chỉ

### 10.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT		CHUẨN ĐẦU RA											
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng					MD TC& TN
								Cứng			Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>													
<b>A. Các môn chung</b>													
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2											
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2											
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1										2		
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2										2		
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3										2		
TN2.1.501.2	Tin học đại cương									2	3		
TN2.1.502.2	Tin học ứng dụng		2								2		
<b>Giáo dục thể chất*</b>													
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2											
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:													
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2											
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2											
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2											
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2											
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2											
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2											
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2											
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2											
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01													

CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT		CHUẨN ĐẦU RA											
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng					MD TC& TN
								Cứng			Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
<i>trong các học phần sau:</i>													
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2											
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2											
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2											
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2											
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2											
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2											
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2											
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2											
<b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh*</b>													
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	1											
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	1											
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	1											
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	1											
<b>B. Các môn cơ sở khối ngành</b>													
TN2.1.503.3	Toán - Thống kê Y dược		3										
TN2.1.504.3	Vật lý		3										1
YD2.1.001.3	Hóa đại cương vô cơ		3	2				1					
YD2.1.046.3	Sinh học đại cương		2							2			
YD2.1.047.2	Tâm lý Y học - Đạo đức y học		2							2			2
YD2.1.001.2	Truyền thông và giáo dục sức khỏe			2							2	2	
YD2.1.002.2													
<b>A. Kiến thức cơ sở ngành</b>													
YD2.1.048.2	Sinh học di truyền		2							1		1	
YD2.1.049.2	Hóa hữu cơ 1		3	2				1					
YD2.1.050.3	Hóa hữu cơ 2		3	1				1					
YD2.1.051.3	Hóa phân tích 1		3	2									
YD2.1.052.2	Hóa phân tích 2		3	1				1					

CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT		CHUẨN ĐẦU RA											
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng					MD TC& TN
								Cứng			Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
YD2.1.004.3	Giải phẫu			3					3				2
YD2.1.005.3	Sinh lý			2					2	2			
YD2.1.006.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch			3					2				1
YD2.1.007.3	Hóa sinh			2			2			2			
YD2.1.008.2	Hóa lý dược		3	2									
YD2.1.009.3	Vi sinh - Ký sinh trùng			2			2			2			
YD2.1.010.3	Bệnh học			3			2			2			
YD2.1.011.3	Thực vật dược				3			2					1
YD2.1.012.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2							2	2	
<b>B. Kiến thức ngành</b>													
YD2.1.013.3	Dược lý 1			3					3				2
YD2.1.014.3	Dược lý 2			3					3				2
YD2.1.015.3	Dược liệu 1				3			2					1
YD2.1.016.3	Dược liệu 2				3			2					1
YD2.1.017.3	Hóa dược 1			3			2			2			
YD2.1.018.3	Hóa dược 2			2			3			2			
YD2.1.019.3	Bào chế 1			3			2						1
YD2.1.020.3	Bào chế 2			3			2						1
YD2.1.021.3	Dược học cổ truyền				3			2					1
YD2.1.022.2	Pháp chế dược					2				2		2	
YD2.1.023.3	Quản lý và kinh tế dược								3	2		2	
YD2.1.024.3	Dược lâm sàng 1			3					3				2
YD2.1.025.3	Dược lâm sàng 2			3					3				2
YD2.1.026.3	Kiểm nghiệm			3			2			2			
YD2.1.027.2	Độc chất học			2						2			1
NN2.1.028.3	Tiếng anh chuyên ngành										2		
YD2.1.028.2	Thực tập 1 (tại Nhà thuốc đạt chuẩn GPP)								2	2			2
<b>C. Kiến thức bổ trợ</b>													

CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT		CHUẨN ĐẦU RA											
Mã HP	Học phần	Kiến thức						Kỹ năng					MD TC& TN
								Cứng			Mềm		
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
YD2.1.013.3	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc			2			2						1
YD2.1.014.3	Tư vấn sử dụng thuốc			2					2				
<b>D. Kiến thức tự chọn</b>													
YD2.1.031.2	Dược dịch tễ			2						2	2		
YD2.1.032.2	Tương tác thuốc			2					2				1
YD2.1.033.2	Đảm bảo chất lượng thuốc			2			2			2			
YD2.1.034.2	Độ ổn định của thuốc			2			2			2			
YD2.1.035.2	Dược xã hội học			2		2				2			
YD2.1.036.2	Chăm sóc dược			2					2				1
YD2.1.037.2	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe			2			2			2			
YD2.1.038.2	Mỹ phẩm			2			2						1
YD2.1.039.2	Tài nguyên cây thuốc				2			3					1
YD2.1.040.2	Marketing dược			2					2	2			
<b>3. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp</b>													
YD2.1.041.8	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)						3	3	3				
	<b>Học phần thay thế</b>												
YD2.1.042.3	Quản lý dược bệnh viện			2					2				2
YD2.1.043.4	Bào chế thuốc cổ truyền				3			2					1
YD2.1.044.3	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh			3					3				2
YD2.1.045.1 0	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>												
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa: 156 tín chỉ</b> (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

**0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo**

### 10.3. Nội dung chương trình

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>39</b>					
<b>A. Các môn chung</b>			<b>24</b>					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3	43	2			
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.041.2
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10			LL2.1.042.2
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL2.1.043.2
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23			
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23			NN2.1.001.3
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			
10	TN2.1.502.2	Tin học ứng dụng	2	15	1	29		TN2.1.501.2
11	<b>Giáo dục thể chất*</b>							
	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2		1	29		
	Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:							
	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	3	1	41		
	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3	1	41		
	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3	2	40		
	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	1	41		
	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	1	42		
	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 1)	3	3	2	40		
	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	1	40		
	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3	1	41		
	Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:							
	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2		1	29		
	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2		1	29		
	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2		1	29		
	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2		1	29		



Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	1	27		
	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2		1	29		
	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2		1	29		
	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điện kinh 2)	2	2	1	27		
12	<b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh*</b>							
	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	3	45				
	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	30				
	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14	1	15		
	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4		56		
<b>B. Các môn cơ sở khối ngành</b>			<b>15</b>					
13	TN2.1.503.3	Toán - Thống kê Y dược	3	22	23			
14	TN2.1.504.3	Vật lý	3	15	15	30		
15	YD2.1.046.3	Hóa đại cương vô cơ	3	29	2	29		
16	YD2.1.047.2	Sinh học đại cương	2	23	1	12		
17	YD2.1.001.2	Tâm lý Y học - Đạo đức y học	2	19	1	20		
18	YD2.1.002.2	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	15	1	29		
<b>II. Các môn giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>99</b>					
<b>A. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>37</b>					
19	YD2.1.048.2	Sinh học di truyền	2	10	5	30		TN2.1.506.2
20	YD2.1.049.2	Hóa hữu cơ 1	2	23	1	12		TN2.1.505.3
21	YD2.1.050.3	Hóa hữu cơ 2	3	29	2	29		TN2.1.525.2
22	YD2.1.051.3	Hóa phân tích 1	3	29	2	29		TN2.1.525.3
23	YD2.1.052.2	Hóa phân tích 2	2	19	1	20		TN2.1.515.3
24	YD2.1.004.3	Giải phẫu	3	29	2	29		TN2.1.506.2
25	YD2.1.005.3	Sinh lý	3	29	2	29		TN2.1.506.2
26	YD2.1.006.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	29	2	29		YD2.1.005.3
27	YD2.1.007.3	Hóa sinh	3	29	2	29		TN2.1.505.3 TN2.1.506.2
28	YD2.1.008.2	Hóa lý dược	2	19	1	20		TN2.1.515.2
29	YD2.1.009.3	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	29	2	29		TN2.1.506.2
30	YD2.1.010.3	Bệnh học	3	29	2	29		YD2.1.004.3 YD2.1.006.3

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
31	YD2.1.011.3	Thực vật dược	3	29	2	29		TN2.1.506.2
32	YD2.1.012.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	1	29		
<b>B. Kiến thức ngành</b>			<b>48</b>					
33	YD2.1.013.3	Dược lý 1	3	29	2	29		YD2.1.006.3 YD2.1.004.3 YD2.1.007.3
34	YD2.1.014.3	Dược lý 2	3	29	2	29		YD2.1.013.3
35	YD2.1.015.3	Dược liệu 1	3	29	2	29		YD2.1.011.3
36	YD2.1.016.3	Dược liệu 2	3	29	2	21	8	YD2.1.015.3
37	YD2.1.017.3	Hóa dược 1	3	29	2	29		TN2.1.515.2
38	YD2.1.018.3	Hóa dược 2	3	29	2	29		YD2.1.017.3
39	YD2.1.019.3	Bào chế 1	3	29	2	29		TN2.1.515.2 YD2.1.008.2
40	YD2.1.020.3	Bào chế 2	3	29	2	21	8	YD2.1.019.3
41	YD2.1.021.3	Dược học cổ truyền	3	29	2	29		YD2.1.016.3
42	YD2.1.022.2	Pháp chế dược	2	19	1	20		
43	YD2.1.023.3	Quản lý và kinh tế dược	3	29	2	29		YD2.1.022.2
44	YD2.1.024.3	Dược lâm sàng 1	3	29	1		45	YD2.1.014.3 YD2.1.010.3
45	YD2.1.025.3	Dược lâm sàng 2	3	29	1		45	YD2.1.024.3
46	YD2.1.026.3	Kiểm nghiệm	3	29	2	21	8	TN2.1.515.2
47	YD2.1.027.2	Độc chất học	2	15	1	29		TN2.1.515.2
48	NN2.1.028.3	Tiếng anh chuyên ngành	3	21	24			NN2.1.003.3
49	YD2.1.028.2	Thực tập 1 (tại Nhà thuốc đạt chuẩn GPP)	2				90	YD2.1.022.2
<b>C. Kiến thức bổ trợ</b>			<b>4</b>					
50	YD2.1.029.2	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	2	19	1	20		YD2.1.020.3
51	YD2.1.030.2	Tư vấn sử dụng thuốc	2	15	1	29		YD2.1.025.3
<b>D. Kiến thức tự chọn</b>			<b>10</b>					
52	YD2.1.031.2	Dược dịch tễ	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
53	YD2.1.032.2	Tương tác thuốc	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
54	YD2.1.033.2	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	19	1		20	Các học phần bắt buộc
55	YD2.1.034.2	Độ ổn định của thuốc	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
56	YD2.1.035.2	Dược xã hội học	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
57	YD2.1.036.2	Chăm sóc dược	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
58	YD2.1.037.2	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
59	YD2.1.038.2	Mỹ phẩm	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
60	YD2.1.039.2	Tài nguyên cây thuốc	2	19	1		20	Các học phần bắt buộc
61	YD2.1.040.2	Marketing dược	2	19	1	20		Các học phần bắt buộc
<b>III. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>18</b>					
62	YD2.1.041.8	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)	8				400	Các học phần bắt buộc
		<i>Học phần thay thế</i>	<i>10</i>					
63	YD2.1.042.3	Quản lý dược bệnh viện	3	29	2	29		Các học phần bắt buộc
64	YD2.1.043.4	Bào chế thuốc cổ truyền	4	28	18	29		Các học phần bắt buộc
65	YD2.1.044.3	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh	3	29	2	29		Các học phần bắt buộc
66	YD2.1.045.10	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				450	Các học phần bắt buộc
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh):</b>			<b>156</b>					

#### 10.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10











Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	TC2.1.000.7	Giáo dục thể chất		7											
2	QP2.1.000.11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		9											
3	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin		3	3										
4	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3										
5	YD2.1.001.3	Hóa đại cương vô cơ		3	3										
6	TN2.1.503.3	Toán - Thống kê Y dược		3	3										
7	TN2.1.504.3	Vật lý		3	3										
8	YD2.1.012.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		2									
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LL2.1.040.3	2		2									
10	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3									
11	YD2.1.049.2	Hóa hữu cơ 1	YD2.1.046.3	2		2									
12	YD2.1.047.2	Sinh học đại cương		2		2									
13	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2		2									
14	YD2.1.001.2	Tâm lý Y học - Đạo đức y học		2		2									
15	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2								
16	YD2.1.048.2	Sinh học di truyền	YD2.1.047.2	2			2								
17	YD2.1.050.3	Hóa hữu cơ 2	YD2.1.049.2	3			3								
18	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3								
19	YD2.1.005.3	Sinh lý	YD2.1.005.3	3			3								
20	YD2.1.004.3	Giải phẫu	YD2.1.005.3	3			3								
21	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2							
22	TN2.1.502.2	Tin học ứng dụng	TN2.1.501.2	2				2							
23	YD2.1.051.3	Hóa phân tích 1	YD2.1.050.3	3				3							
24	YD2.1.007.3	Hóa sinh	YD2.1.046.3 YD2.1.002.2	3				3							
25	YD2.1.006.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	YD2.1.005.3	3				3							
26	YD2.1.011.3	Thực vật dược	YD2.1.002.2	3				3							
27	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2						

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	YD2.1.009.3	Vi sinh - Ký sinh trùng	YD2.1.047.2	3					3						
29	YD2.1.052.2	Hóa phân tích 2	YD2.1.051.3	2					2						
30	YD2.1.010.3	Bệnh học	YD2.1.004.3 YD2.1.006.3	3					3						
31	YD2.1.015.3	Dược liệu 1	YD2.1.011.3	3					3						
32	YD2.1.013.3	Dược lý 1	YD2.1.006.3 YD2.1.004.3 YD2.1.007.3	3					3						
33	NN2.1.028.3	Tiếng anh chuyên ngành	NN2.1.003.3	3						3					
34	YD2.1.017.3	Hóa dược 1	YD2.1.052.2	3						3					
35	YD2.1.008.2	Hóa lý dược	YD2.1.052.2	2						2					
36	YD2.1.014.3	Dược lý 2	YD2.1.013.3	3						3					
37	YD2.1.016.3	Dược liệu 2	YD2.1.015.3	3						3					
38	YD2.1.022.2	Pháp chế dược		2						2					
39	YD2.1.018.3	Hóa dược 2	YD2.1.017.3	3							3				
40	YD2.1.026.3	Kiểm nghiệm	YD2.1.052.2	3							3				
41	YD2.1.021.3	Dược học cổ truyền	YD2.1.016.3	3							3				
42	YD2.1.024.3	Dược lâm sàng 1	YD2.1.014.3 YD2.1.010.3	3							3				
43	YD2.1.019.3	Bào chế 1	YD2.1.052.2 YD2.1.008.2	3							3				
44	YD2.1.002.2	Truyền thông và giáo dục sức khỏe		2								2			
45	YD2.1.023.3	Quản lý và kinh tế dược	YD2.1.022.2	3								3			
46	YD2.1.027.2	Độc chất học	YD2.1.052.2	2								2			
47	YD2.1.025.3	Dược lâm sàng 2	YD2.1.024.3	3								3			
48	YD2.1.020.3	Bào chế 2	YD2.1.019.3	3								3			
49	YD2.1.028.2	Thực tập 1 (tại Nhà thuốc đạt chuẩn GPP)	YD2.1.022.2	2									2		
50	YD2.1.029.2	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	YD2.1.020.3	2										2	
51	YD2.1.030.2	Tư vấn sử dụng thuốc	YD2.1.025.3	2										2	
52	YD2.1.031.2	<b>Dược dịch tễ</b>	Các học phần bắt buộc	2										10	

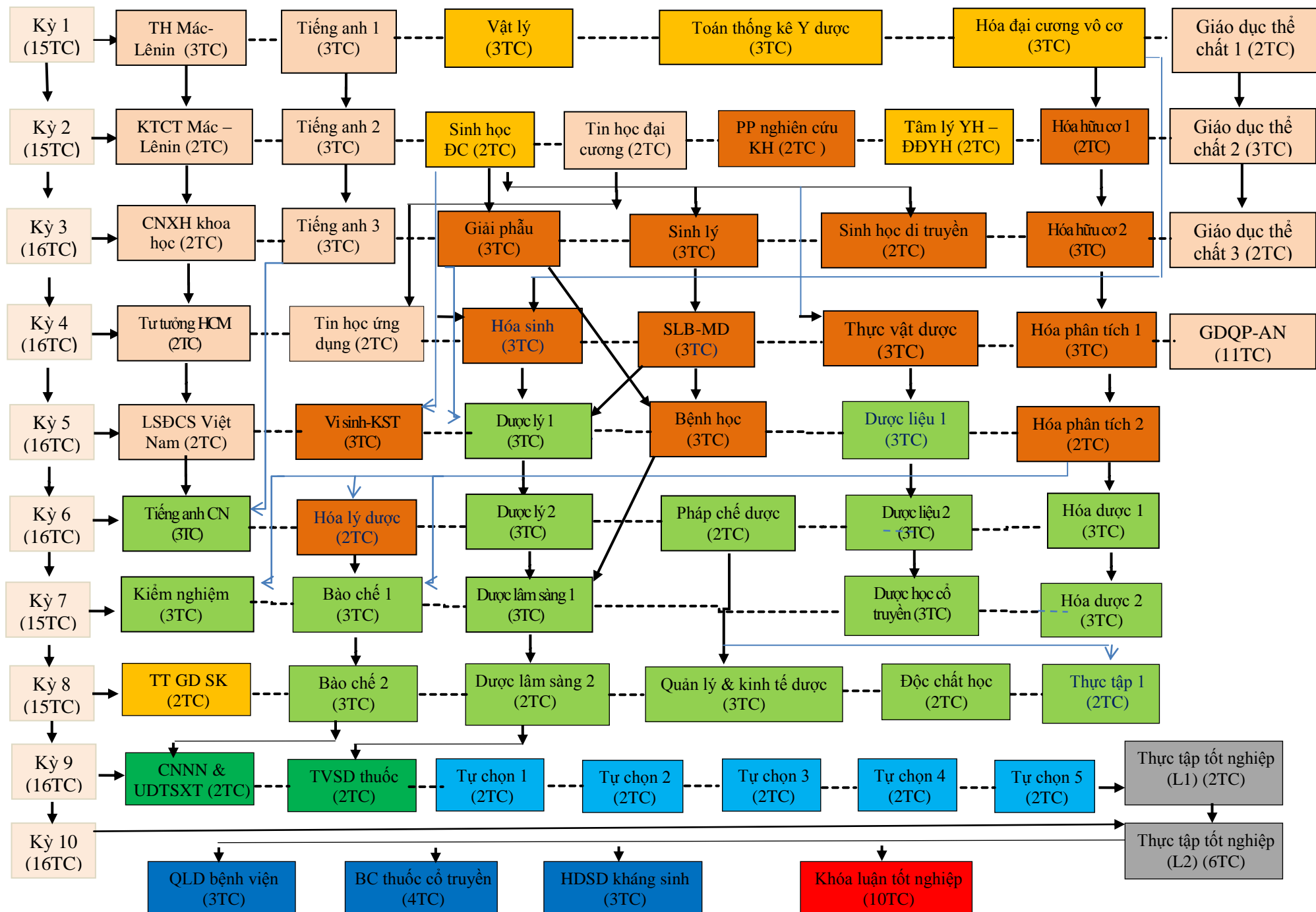
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
53	YD2.1.032.2	Tương tác thuốc	Các học phần bắt buộc	2											
54	YD2.1.033.2	Đảm bảo chất lượng thuốc	Các học phần bắt buộc	2											
55	YD2.1.034.2	Độ ổn định của thuốc	Các học phần bắt buộc	2											
56	YD2.1.035.2	Dược xã hội học	Các học phần bắt buộc	2											
57	YD2.1.036.2	Chăm sóc dược	Các học phần bắt buộc	2											
58	YD2.1.037.2	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Các học phần bắt buộc	2											
59	YD2.1.038.2	Mỹ phẩm	Các học phần bắt buộc	2											
60	YD2.1.039.2	Tài nguyên cây thuốc	Các học phần bắt buộc	2											
61	YD2.1.040.2	Marketing dược	Các học phần bắt buộc	2											
62	YD2.1.041.8	Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)	Các học phần bắt buộc	8										2	6
		<b>Học phần thay thế</b>													
63	YD2.1.042.3	Quản lý dược bệnh viện	Các học phần bắt buộc	3											
64	YD2.1.043.4	Bào chế thuốc cổ truyền	Các học phần bắt buộc	4											
65	YD2.1.044.3	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh	Các học phần bắt buộc	3											
66	YD2.1.045.10	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	Các học phần bắt buộc	10											
<b>Cộng</b> (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)				<b>156</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	

### 10.5. Bản đồ chương trình dạy học

#### Ghi chú:

Học phần song hành	-----	Các môn chung	
Học phần học trước	→	Các môn cơ sở khối ngành	
Kỳ học, số tín chỉ		Các môn cơ sở ngành	
Kiến thức ngành		Kiến thức bổ trợ	
Kiến thức tự chọn		Học phần thay thế	
Thực tập tốt nghiệp		Khóa luận tốt nghiệp	

### 10.6. Bản đồ chương trình dạy học



## **10.7. Mô tả nội dung các học phần**

### **10.7.1. Triết học Mác – Lênin: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

### **10.7.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **10.7.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

### **10.7.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

### **10.7.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.



### **10.7.6. Tiếng Anh 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

### **10.7.7. Tiếng Anh 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.

### **10.7.8. Tiếng Anh 3: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.

### **10.7.9. Tin học đại cương: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

### **10.7.10. Tin học ứng dụng: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương.

Môn học cung cấp cho người học những nội dung sau:

- Các kiến thức cơ bản về phần mềm Epidata 3.1, quá trình thu thập xử lý số liệu và những kiến thức liên quan đến dữ liệu.
- Cách cài đặt, thiết lập tùy chọn chương trình.
- Cách khai báo bộ câu hỏi và hạn chế lỗi số liệu.
- Cách nhập dữ liệu, ghép và chuyển định dạng tệp số liệu.

### **10.7.11. Giáo dục thể chất: 7 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

### **10.7.12. Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 11 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

#### **10.7.13. Toán – thống kê Y dược: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lí thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết.

#### **10.7.14. Vật lý: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các nội dung: cơ học chất điểm, cơ học hệ chất điểm và vật rắn, những cơ sở của thuyết động học phân tử khí lí tưởng, trường tĩnh điện, vật dẫn điện môi, dòng điện không đổi.

#### **10.7.15. Hóa đại cương vô cơ: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên được học lý thuyết khoa học, bao gồm nguyên lý I của nhiệt động lực học, định luật Hess, nhiệt sinh, nhiệt cháy, nhiệt biến đổi trạng thái tộp hợp, nguyên lý II của nhiệt động học, entropy, thể đẳng nhiệt đẳng áp, tốc độ - cơ chế phản ứng, tính chất của dung dịch, làm bài tập về nhiệt hóa học và dung dịch, cân bằng hoá học, dung dịch chất điện li, phức chất. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết. Kết thúc học phần sinh viên có vốn kiến thức cơ bản để học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành

#### **10.7.16. Sinh học đại cương: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hiện đại về sinh học, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, chức năng quá trình trao đổi chất và năng lượng của tế bào. Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.

#### **10.7.17. Tâm lý Y học – Đạo đức y học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lí và tâm lí Y học; các nguyên lí cơ bản của đạo đức Y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và quốc tế.

#### **10.7.18. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức và kĩ năng cơ bản về khái niệm sức khỏe của

WHO và của cộng đồng, Xác định các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe. Khái niệm, yếu tố và các cấp độ ảnh hưởng hành vi. Mô hình lý thuyết về hành vi và các giải pháp tác động để thay đổi hành vi. Khái niệm, ý nghĩa, kỹ năng, yêu cầu, điều kiện và các bước để làm thay đổi hành vi. Xây dựng được 1 bản kế hoạch cho 1 buổi TT-GDSK.

#### **10.7.19. Sinh học di truyền: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Tế bào, Cấu trúc và chức năng và một số hoạt động của tế bào, sự vận chuyển vật chất qua màng, sự phân chia trong tế bào, sự phát sinh giao tử ở người, đặc điểm của các hình thức sinh sản, các giai đoạn của sự phát triển các thể, các hình thức tái sinh ở động vật, sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, nội dung và phương pháp nghiên cứu di truyền, các quy luật về di truyền, Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người, đột biến gen và bệnh học phân tử, di truyền quần thể và một số biện pháp phòng tránh bệnh di truyền.10.7.

#### **10.7.20. Hóa hữu cơ 1: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ

Học phần hóa học hữu cơ 1 đề cập đến lí thuyết hóa học hữu cơ: cấu tạo của hợp chất hữu cơ; hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ; đồng phân học; các phản ứng hữu cơ - phân loại phản ứng - cơ chế phản ứng; các phương pháp tinh chế và xác định cấu trúc của hợp chất hữu cơ; hydrocarbon mạch hở; hydrocarbon cyclanic và dẫn chất; hydrocarbon terpenic và dẫn chất; hydrocarbon thơm; dẫn chất halogen và dẫn chất cơ kim; dẫn chất nitro, sulfo; alcol - phenol - ether oxyd; aldehyd - ceton - quinon; acid carboxylic và dẫn chất; acid carboxylic hỗn chức; dẫn chất của acid carboxylic; amin; hợp chất diazoic và azoic; các hợp chất màu; lipid; carbohydrat (glucid); aminoacid - peptid - protein; hợp chất dị vòng. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức cơ bản để học tiếp các môn chuyên ngành.

#### **14.21. Hóa hữu cơ 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ 1

Học phần hóa học hữu cơ 2 đề cập đến lí thuyết hóa học hữu cơ: Dẫn chất của acid carboxylic; amin; hợp chất diazoic và azoic; các hợp chất màu; lipid; carbohydrat (glucid); aminoacid - peptid - protein; hợp chất dị vòng. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết điều chế các hợp chất tiêu biểu. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức cơ bản để học tiếp các môn chuyên ngành.

#### **10.7.22. Hóa phân tích 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương vô cơ

Hóa phân tích là một môn khoa học ứng dụng sử dụng các kiến thức của Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa lý, Hóa sinh, Vật lý... Trong thực tế, Hóa phân tích thâm nhập vào nhiều lĩnh vực khoa học và là công cụ nghiên cứu, ngoài ra nó cũng chiếm một vị trí quan trọng trong sản xuất. Hóa phân tích thường được chia thành hai phần: Hóa phân tích định tính và Hóa phân tích định lượng. Nhiệm vụ của Hóa phân tích định tính là xác định vật chất nghiên cứu được cấu tạo từ các thành phần nào, còn Hóa phân tích định lượng là

xác định hàm lượng của các thành phần cấu tạo nên vật chất nghiên cứu.

#### **10.7.23. Hóa phân tích 2: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích 1

Các phương pháp hóa lý trong phân tích như: phương pháp phân chia hay các phương pháp tách (sắc ký, điện di...); các phương pháp phân tích quang học (phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử, phương pháp huỳnh quang phân tử và nguyên tử...); các phương pháp phân tích điện hóa (phương pháp đo thế, đo pH, chuẩn độ đo thế).

Phần thực hành sinh viên thực hiện được phép đo pH, sắc ký giấy, định tính và định lượng một số chất bằng phương pháp quang phổ UV-VIS. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức cơ bản để học tiếp các môn chuyên ngành.

#### **10.7.24. Giải phẫu: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí, hình dạng, đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của các cơ quan trong cơ thể người. Qua đó sinh viên có thể mô tả chi tiết được các đặc điểm cấu tạo giải phẫu và mô học của các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, thần kinh, vận động.

#### **10.7.25. Sinh lý: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý cơ thể người: chức năng của các tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể cùng với cơ chế hoạt động, điều hòa hoạt động của chúng, các cơ chế thích ứng của cơ thể với môi trường sống.

#### **10.7.26. Sinh lý bệnh – miễn dịch: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid và lipid, rối loạn chuyển hóa nước và điện giải, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm, sinh lý bệnh các hệ cơ quan (hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu). Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học, kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể, góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các quá trình bệnh lý nhằm đem lại sức khỏe cho con người.

#### **10.7.27. Hóa sinh: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương, Hóa đại cương vô cơ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hoá của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể: protid, glucid, lipid, enzym, hormon... Môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

#### **10.7.28. Hóa lý dược: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích 2

Hóa lý dược giới hạn trong các nội dung: các nguyên tắc hoá lý của dung dịch

và cân bằng pha, động hoá học và xúc tác, điện hoá học, các hệ phân tán và các hiện tượng bề mặt, dung dịch cao phân tử. Các nội dung của Hoá lý dược là một phần kiến thức cơ sở cần thiết khi học tập môn Hoá phân tích, Kiểm nghiệm thuốc, chiết xuất hoá thực vật cũng như các môn học thuộc chuyên ngành công nghệ Dược như sản xuất nguyên liệu làm thuốc, bào chế các dạng thuốc, nghiên cứu sinh dược học, dược động học... Phần thực hành thực hiện được các kỹ thuật cơ bản xác định một số đại lượng hóa lý trong động hoá học, điện hoá học, hấp phụ, dung dịch keo và cao phân tử.

### **10.7.29. Vi sinh – ký sinh trùng: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần Vi sinh trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thái, cấu tạo, phân loại vi sinh vật, các đặc tính sinh lý, sinh hóa, đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp... nhằm giúp người học phát triển các kiến thức nền tảng về vi sinh vật và hiểu các ứng dụng của vi sinh trong hành nghề y dược.

Học phần Ký sinh trùng cung cấp những khái niệm cơ bản như đại cương về ký sinh trùng, bệnh học sốt rét, các đặc điểm sinh học, hình thái, sinh lý, chu kỳ phát triển của nấm, giun, sán, amip. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp chẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị, thực hành lấy mẫu, làm tiêu bản ký sinh trùng gây bệnh.

### **10.7.30. Bệnh học: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý bệnh miễn dịch

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản theo các hệ cơ quan (hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, máu và cơ quan tạo máu, thần kinh) và chuyên ngành: dị ứng – miễn dịch, nhiễm trùng... Nội dung trong mỗi chương tập trung vào những bệnh thường gặp và điển hình nhất của cơ quan đó. Những kiến thức liên quan thiết thực nhất của các môn học khác và một số khái niệm giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan.

### **10.7.31. Thực vật dược: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Ngoài ra, còn cung cấp cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

### **10.7.32. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học. Mô tả được cách tiếp cận nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, quy trình tiến hành nghiên cứu khoa học; phương pháp trình bày nội dung một bài báo khoa học. Thực hành thành thạo viết đề cương nghiên cứu khoa học dược.

### **10.7.33. Dược lý 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh – miễn dịch, Hóa sinh, Giải phẫu

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này sinh viên có

thể kê đơn thuốc, sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

#### **10.7.34. Dược lý 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược lý 1

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này sinh viên có thể kê đơn thuốc, sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

#### **10.7.35. Dược liệu 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thực vật dược

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tầm quan trọng của dược liệu học điều trị và chăm sóc sức khỏe; về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid và glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin, monoterpeneoid và diterpeneoid có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về kiểm nghiệm vi phẫu, chiết xuất, định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

#### **10.7.36. Dược liệu 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược liệu 1

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa nhóm hợp chất alcaloid, tinh dầu và nhựa thơm, terpenoid, hợp chất thơm, lipid và các thuốc có nguồn gốc động vật có trong dược liệu. Sinh viên cũng được thực hành về định tính, định lượng một số nhóm hợp chất phổ biến.

#### **10.7.37. Hóa dược 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa hữu cơ 2, Hóa phân tích 2

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số thuốc chính như thuốc kháng sinh, kháng virus, kháng kí sinh trùng và một số thuốc thông dụng khác. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp, kiểm nghiệm (quy mô labo) một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

#### **10.7.38. Hóa dược 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa dược 1

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, tính chất lý hóa quan trọng, nguyên tắc điều chế, kiểm nghiệm của một số nhóm thuốc quan trọng như nhóm thuốc tác động lên hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ thần kinh trung ương, thuốc tác động lên quá trình dẫn truyền thần kinh; của một số thuốc thông dụng khác như thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu, vitamin và khoáng chất, thuốc tác động trên hệ miễn dịch, hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp và kiểm nghiệm ở quy mô labo một số nguyên liệu làm thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

#### **10.7.39. Bào chế 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa dược 2, Hóa lý dược, Dược liệu 2, Dược lý 2

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán đồng thể bao gồm dung dịch thuốc uống và dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành bào chế và kiểm nghiệm chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán đồng thể.

#### **10.7.40. Bào chế 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Bào chế 1

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm, thành phần công thức, kỹ thuật bào chế, yêu cầu chất lượng và sinh dược học của các dạng bào chế thuộc hệ phân tán dị thể: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc viên và thuốc nang. Ngoài ra sinh viên còn thực hành bào chế và đánh giá chất lượng một số dạng bào chế thông thường thuộc hệ phân tán dị thể.

#### **10.7.41. Dược học cổ truyền: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược liệu 2, Bào chế 2

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về Dược học cổ truyền, về các học thuyết cổ truyền trong y học; về nguyên tắc chế biến và bào chế một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.

#### **10.7.42. Pháp chế dược: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật trong lĩnh vực dược, quy định về đăng ký thuốc, quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt, quy định về ghi nhãn thuốc; phân loại và danh pháp thuốc; quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú; quy định về nội dung thông tin, quảng cáo thuốc; quy định về hành nghề kinh doanh dược phẩm; quản lý tồn trữ thuốc và các quy định thanh tra dược,....

#### **10.7.43. Quản lý và kinh tế dược: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Pháp chế dược

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và kinh tế học, một số kiến thức đặc thù của quản lý kinh tế dược, một số kỹ năng thực hành trong các lĩnh vực chính của ngành dược với phương pháp luận cơ bản để học tập và nghiên cứu, tiếp cận xu hướng quản lý kinh tế dược trong cơ chế kinh tế mới. Với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, đặc biệt với sự phát triển của ngành dược trong nền kinh tế mới cho thấy không một nghiên cứu nào, không một phương án kinh doanh, sản xuất, không có một giải pháp cung ứng thuốc nào thoát ly được những tri thức của quản lý nói chung, khoa học quản lý kinh tế chuyên ngành dược nói riêng.

#### **10.7.44. Dược lâm sàng 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược lý 2, Bệnh học

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như: dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, độc tính của thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để nguyên tắc sử dụng sử dụng NSAIDs, glucocorticoid, kháng sinh và vai trò của hoạt động

thông tin thuốc và ADR.

#### **10.7.45. Dược lâm sàng 2: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược lâm sàng 1

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị đối với một số bệnh lý thường gặp như hen suyễn, gout, huyết khối, Alzheimer, đái tháo đường, suy tim, rối loạn lipid huyết, tăng huyết áp, viêm loét dạ dày - tá tràng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành phân tích một số ca lâm sàng trong một số bệnh như tim mạch, tiêu hoá, hô hấp, nội tiết, thần kinh, cơ xương khớp.

#### **10.7.46. Kiểm nghiệm: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích 2

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.... Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

#### **10.7.47. Độc chất học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Hóa phân tích 2

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về độc chất học và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Các kiến thức về các quá trình động học, cơ chế gây ngộ độc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của chất độc.

#### **10.7.48. Tiếng anh chuyên ngành: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 3

Học phần gồm 6 bài học cung cấp cho sinh viên từ vựng, ngữ pháp, các bài đọc hiểu và các dạng bài tập theo các chủ đề có liên quan đến chuyên ngành Dược học. Học phần này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu như đọc trả lời câu hỏi, tìm từ và cụm từ trong bài đọc điền vào chỗ trống,... dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt, dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh.

#### **10.7.49. Thực tập 1 (tại Nhà thuốc đạt chuẩn GPP): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Pháp chế dược.

Học phần này trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về hành nghề dược tại cơ sở bán lẻ thuốc, cụ thể: về tổ chức và hoạt động của nhà thuốc GPP; Bố trí các khu vực trong nhà thuốc GPP; Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc tại nhà thuốc GPP; Sổ sách, quy trình thao tác chuẩn (SOP); Phần mềm quản lý nhà thuốc liên thông dữ liệu Dược Quốc gia; Bán và tư vấn sử dụng thuốc tại nhà thuốc.

#### **10.7.50. Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Bào chế 2

Môn học giới thiệu về những thành phần cơ bản của một tiểu phân nano, tóm tắt các phương pháp bào chế tiểu phân này, cập nhật các phương pháp đánh giá đặc tính lý hóa, các phương pháp và mô hình đánh giá tác dụng sinh học in vitro và in vivo của tiểu phân nano. Phần cuối giới thiệu về các ứng dụng của tiểu phân nano vào các dạng



thuốc hiện đang được nghiên cứu và áp dụng thực tế.

#### **10.7.51. Tư vấn sử dụng thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Dược lâm sàng 2

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị, các phác đồ điều trị và cập nhật các phác đồ điều trị mới đối với các bệnh thường gặp; Các nguyên tắc lựa chọn thuốc và phối hợp thuốc trong điều trị; Các tác dụng phụ thường thấy và cách xử trí khi sử dụng thuốc.

#### **10.7.52. Dịch tễ dược: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu sức khỏe, trong việc chứng minh và xác lập các quan hệ nhân quả phục vụ sức khỏe con người. Nghiên cứu cung ứng sử dụng thuốc và đánh giá được hiệu quả điều trị của thuốc trong cộng đồng và trong nghiên cứu lâm sàng.

#### **10.7.53. Tương tác thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại tương tác thuốc, tương tác thuốc – thức ăn, Tương tác thuốc - trạng thái bệnh lý; phân tích một số ví dụ về tương tác dược động học (hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ), tương tác dược lực học.

#### **10.7.54. Đảm bảo chất lượng thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát về các khái niệm khác nhau về chất lượng thuốc, đặc biệt là khái niệm về chất lượng thuốc trong sản xuất và vận dụng khái niệm này vào đảm bảo chất lượng thuốc, về thuốc generic; về thuốc giả. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị kiến thức về các khái niệm liên quan đến quản lý chất lượng QM (quality management), QS (quality system), QA (quality assurance) và về Quản Lý Rủi Ro về chất lượng – QRM (quality risk management).

#### **10.7.55. Độ ổn định của thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của nghiên cứu độ ổn định, các phản ứng phân hủy của thuốc và phương pháp xác định tuổi thọ của thuốc. Đồng thời, học phần này cũng nêu lên một số biện pháp bảo vệ và nâng cao độ ổn định của một số dạng bào chế trong quá trình sản xuất và bảo quản. Ngoài phần lý thuyết, học phần cũng xây dựng một

#### **10.7.56. Dược xã hội học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử ngành Dược, về tổ chức y tế, tổ chức ngành Dược Việt Nam, về nội dung của luật Bảo vệ sức khỏe, luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam. Sinh viên còn được cung cấp kiến thức về dân số, về các thống kê y tế và vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

#### **10.7.57. Chăm sóc dược: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và nhiệm vụ của dược sĩ dược lâm sàng. Nắm vững kiến thức cơ bản, vận dụng chăm sóc bệnh nhân theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc trên lâm sàng. Xây dựng kế hoạch theo dõi bệnh nhân mãn tính. Thực hành kiểm soát tương tác thuốc trên phần mềm.

#### **10.7.58. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Học phần này trang bị những vấn đề cơ bản về thực phẩm chức năng. Tác dụng, vai trò, thành phần của thực phẩm chức năng. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe với các bệnh mãn tính: bệnh tim mạch, bệnh đái tháo đường, bệnh xương khớp, bệnh ung thư, béo phì, bệnh thần kinh, hội chứng chuyển hóa, chức năng tiêu hóa, chức năng gan, thận, sức khỏe sinh sản.

#### **10.7.59. Mỹ phẩm: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học trang bị những vấn đề cơ bản về mỹ phẩm đại cương chung thành phần, tiêu chuẩn, chỉ tiêu đánh giá. Tuân thủ theo các điều khoản của Hiệp định Mỹ phẩm ASEAN. Vì quy định này chỉ có tính áp dụng riêng đối với các sản phẩm mỹ phẩm.

#### **10.7.60. Tài nguyên cây thuốc: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tài nguyên cây thuốc, sự phát triển cây thuốc có nguồn gốc tự nhiên, các họ cây thuốc phổ biến và đặc điểm phân bố; bảo tồn nguồn gen thuốc.

#### **10.7.61. Marketing dược: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Học phần này trang bị những vấn đề cơ bản về Marketing, thị trường trong hoạt động Marketing, các chính sách của marketing và ứng dụng các chính sách marketing trong hoạt động kinh doanh tiếp thị dược phẩm.

#### **10.7.62. Thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp): 8 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Thực tập tốt nghiệp là học phần chỉ có thực hành, trong thời gian thực hành môi trường học tập của sinh viên là các cơ quan quản lý chất lượng thuốc, sản xuất thuốc, cung ứng & phân phối thuốc, quản lý chất lượng thuốc trực thuộc Sở Y tế các tỉnh và thành phố. Trong suốt quá trình thực tập, sinh viên được tiếp cận với mô hình tổ chức quản lý, phương thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng thuốc, đánh giá chất lượng thuốc của ngành Dược.

#### **10.7.63. Quản lý dược bệnh viên: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức và hoạt động của khoa

Dược tại bệnh viện, chức năng, nhiệm vụ của Dược sỹ tại khoa dược, Hội đồng thuốc và điều trị, công tác đầu thầu thuốc, hoạt động dược lâm sàng và các phương pháp đánh giá tình hình sử dụng thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh.

#### **10.7.64. Bào chế thuốc cổ truyền: 4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bào chế thuốc cổ truyền, các phương pháp chế biến và bào chế thuốc cổ truyền nhằm đem lại hiệu quả điều trị cao nhất.

#### **10.7.65. Hướng dẫn sử dụng kháng sinh: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần bắt buộc

Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, cập nhật thực tế của Việt Nam về việc sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn để ứng dụng trong công tác khám, chữa bệnh, phòng bệnh, bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần hạn chế tình trạng kháng kháng sinh đang có nguy cơ gia tăng hiện nay.

### **XI. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo ngành Dược học đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

#### **\* Quốc tế**

- Đào tạo Dược sỹ tại Thái Lan
- Đào tạo Dược sỹ tại Singapore
- Đào tạo Dược sỹ tại Australia

#### **\* Việt Nam**

- Trường Đại học Dược Hà Nội
- Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên
- Trường Đại học kỹ thuật Bình Dương
- Trường Đại học Vinh

Trong quá trình đối sánh cho thấy khối lượng kiến thức và số học phần trong chương trình đào tạo ngành Dược học (đại học, chính quy, tín chỉ) do Khoa Y – Dược, Trường Đại học Tân Trào xây dựng hiện đang xây dựng so với các chương trình đào tạo của các trường Đại học khác cho thấy: chương trình đào tạo của trường ĐH Tân Trào là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của xã hội và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### **XII. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Dược học đã được xây dựng/ điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.